

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng theo hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4134/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đào tạo thí điểm ngành Điều dưỡng trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 1715/NQ-ĐDN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Khoa học giáo dục và đào tạo Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2014-2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH**

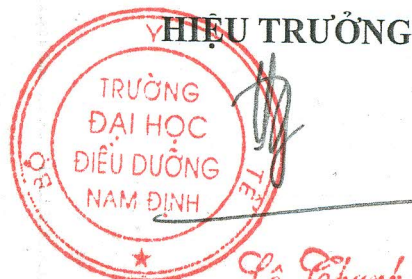
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho các khóa đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định từ năm 2014.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm, Bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám Hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu Văn thư, ĐT SĐH.



*Lê Thanh Tùng*

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI**  
**ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1934/QĐ-ĐDN ngày 24 tháng 12 năm 2014  
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Căn cứ xây dựng, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Căn cứ xây dựng: Quy định tạm thời đào tạo trình độ Thạc sĩ của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa “**Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ**” ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những vấn đề không được đề cập trong Quy định này sẽ được áp dụng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định tạm thời đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: quy định chung về đào tạo trình độ Thạc sĩ; tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

3. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia đào tạo, học viên Cao học các khoá đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng trong trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

**Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo Điều dưỡng ở trình độ Thạc sĩ có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức sâu rộng về điều dưỡng và thành thạo các kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề Điều dưỡng ở trình độ cao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực điều dưỡng.

**Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo**

1. Hình thức đào tạo: Tập trung.
2. Ngôn ngữ: Tiếng Việt. Tiếng Anh đối với những học phần có mời giảng viên người nước ngoài.
3. Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

## Chương II TUYỂN SINH

### **Điều 4: Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển
2. Số lần tuyển sinh: 1 - 2 lần mỗi năm
3. Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

### **Điều 5: Các môn thi tuyển sinh**

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn:
  - a. Ngoại ngữ: tiếng Anh trình độ A2 (áp dụng đối với những thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
  - b. Môn cơ bản: Có thể chọn một trong các môn sau: Toán (Xác suất thống kê) ; Hóa học ; Sinh học ; Hóa sinh hoặc Vi sinh y học.
  - c. Môn cơ sở ngành: Có thể chọn một trong các môn Quản lý điều dưỡng. Điều dưỡng cơ sở hoặc Điều dưỡng chuyên ngành .
2. Phương thức kiểm tra năng lực thí sinh
  - a. Tiếng Anh: Thi trắc nghiệm.
  - b. Môn cơ bản : Thi tự luận.
  - c. Môn cơ sở ngành : Thi tự luận.
3. Thí sinh được miễn thi môn tiếng Anh trong các trường hợp sau:
  - a. Có bằng tốt nghiệp Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
  - b. Có bằng tốt nghiệp đại học ngôn ngữ ngành tiếng Anh;
  - c. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tiếng Anh được quy định tại điểm b, Khoản 2 điều 27 quy chế này hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục II, Hiệu trưởng giao cho bộ phận chuyên môn thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ.

### **Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi**

1. Ngành tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành: Tốt nghiệp Đại học Điều dưỡng; Đại học Điều dưỡng các chuyên ngành.

2. Ngành gần: Tốt nghiệp Đại học khối ngành khoa học sức khỏe (Cử nhân y tế công cộng, Cử nhân kỹ thuật y học,...)

### **Điều 7. Học bổ sung kiến thức**

1. Người tốt nghiệp ngành gần muốn dự thi Thạc sĩ Điều dưỡng phải bổ sung các kiến thức dưới đây.
  - a. Quản lý điều dưỡng: 2 tín chỉ
  - b. Điều dưỡng cơ sở 1: 3 tín chỉ
  - c. Điều dưỡng cơ sở 2: 3 tín chỉ
2. Các học viên đăng ký dự thi Thạc sĩ Điều dưỡng có bằng tốt nghiệp ngành gần phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trên trước khi kỳ thi tuyển sinh Thạc sĩ Điều dưỡng của Trường diễn ra.

### **Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi**

Đối tượng dự thi trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng là Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

1. Về văn bằng:
  - a. Đã tốt nghiệp Đại học Điều dưỡng, Đại học Điều dưỡng các chuyên ngành (theo quy định ở Khoản 1 điều 6 Quy định này);
  - b. Đã tốt nghiệp Đại học khối ngành Khoa học sức khỏe (theo khoản 2 điều 6 Quy định này);
  - c. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;
2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Có thời gian công tác trong ngành từ 12 tháng trở lên kể từ khi nhận bằng đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.
3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
4. Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại điểm E khoản 1 điều 9 của Quy định này, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy theo tình trạng sức khỏe.
5. Nộp hồ sơ đầy đủ đúng hạn theo quy định của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

## **Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **1. Đối tượng ưu tiên:**

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### **2. Mức ưu tiên:**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo Quy định này và được cộng một điểm (thang điểm 10) vào tổng số điểm của 2 môn thi (môn cơ bản và môn cơ sở ngành) để làm cơ sở cho việc xét tuyển.

## **Điều 10. Thông báo tuyển sinh**

1. Chậm nhất ba tháng trước ngày thi tuyển sinh, trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ra thông báo tuyển sinh gửi đến các cơ sở đào tạo và sử dụng nhân lực điều dưỡng. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website: <http://ndun.edu.vn/>; đăng trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi qua địa chỉ: [duatin@moet.edu.vn](mailto:duatin@moet.edu.vn)). Thông tin trên báo Sức khỏe và đời sống.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đúng, ngành gần theo chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Quy định này (nếu có); môn thi hoặc kiểm tra được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh; khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

### **Điều 11. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi**

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định hiện hành.
2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi được công bố công khai trên website: <http://ndun.edu.vn/> của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định chậm nhất 3 tuần trước khi thi môn đầu tiên.

### **Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng**

1. Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần hội đồng gồm:
  - a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách được ủy quyền;
  - b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
  - c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc phó Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học;
  - d) Các uỷ viên: một số Trưởng hoặc Phó đơn vị có liên quan trực tiếp đến kỳ thi.
2. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, phó chủ tịch Hội đồng và các uỷ viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.
4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia Hội đồng tuyển sinh hoặc các Ban giúp việc cho Hội đồng.

### **Điều 13. Đề thi tuyển sinh**

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:
  - a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ Đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;
  - b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;
  - c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của cơ sở đào tạo, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ Đại học.
2. Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định quyết định dạng thức đề, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là Thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là Tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập.

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Hiệu trưởng quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Trường và yêu cầu của chuyên ngành đào tạo.

8. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng Quy định này và các quy định hợp pháp khác của Trường; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

#### **Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh**

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

2. Khu vực thi phải được bố trí độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/ tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2 mét trở lên.

3. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội

quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

4. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy định này và quy định hợp pháp khác của Trường.

#### **Điều 15. Chấm thi tuyển sinh**

1. Đáp án của môn thi được làm ngay sau khi đề được Trường ban ra đề thi nhất trí thông qua. Đối với các môn tự luận làm đáp án đến 0,25 điểm. Đối với môn trắc nghiệm chấm theo quy định hiện hành chấm thi trắc nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đáp án sau khi được cán bộ ra đề làm xong được niêm phong và bảo mật. Cán bộ chấm thi các môn phải có trình độ từ Thạc sĩ trở lên. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ. Quy định về phúc khảo bài thi theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy hiện hành. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh.

2. Trường ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng Quy định này và các quy định hợp pháp khác của Trường; phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn đúng chuyên ngành để chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người, làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định, trên cơ sở đề nghị của các thành viên hội đồng.

#### **Điều 16. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển**

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của tổng điểm tối đa đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:



a) Thí sinh là nữ theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành (theo điểm c khoản 1 điều 5 Quy định này);

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học Thạc sĩ tại Trường được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ Đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ Thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó. (Theo quyết định của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

#### **Điều 17. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên**

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng (nếu Chủ tịch được Hiệu trưởng ủy quyền) kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website <http://ndun.edu.vn/> của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ Thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 33 Quy định này.

#### **Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh**

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Phòng Thanh tra của Trường có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

### Chương III

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng được Nhà trường xây dựng trên các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên việc tham khảo từ chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng của một số trường Đại học có uy tín về đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng ở Thái Lan, Hoa Kỳ, Australia và xin ý kiến của các chuyên gia trong nước và nước ngoài. Chương trình đã được thẩm định bởi Hội đồng thẩm định chương trình thạc sĩ Điều dưỡng của Khoa Điều dưỡng - trường Đại học Chulalongkorn – Thái Lan.

Kết thúc khóa học, mỗi học viên phải hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ trong lĩnh vực Điều dưỡng.

### Điều 20. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình gồm 60 tín chỉ được thực hiện trong 2 năm, 4 học kỳ chính đảm bảo các học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức đã học ở trình độ Đại học, có đủ năng lực công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Điều dưỡng.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận tại trường hoặc 40 tiết thực tập tại cơ sở, bệnh viện hoặc viết bài tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

### Điều 21. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng bao gồm: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp.

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức chung	10	17
2	Kiến thức cơ sở ngành	12	20
3	Kiến thức chuyên ngành	26 (8 tự chọn)	43
4	Luận văn tốt nghiệp	12	20
<b>Tổng</b>		<b>60</b>	<b>100</b>

### Điều 22. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng theo qui định hiện hành.
2. Tối thiểu sau mỗi khoá học, phòng Đào tạo Sau đại học tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng về chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng

xem xét về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) được thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

## **Chương IV** **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

### **Điều 23. Địa điểm và tổ chức thực hiện đào tạo**

1. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
2. Đào tạo trình độ Thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.
3. Chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu.
4. Riêng đối với các học phần có thực hành lâm sàng được triển khai thực hiện tại các bệnh viện chuyên khoa/đa khoa tuyến Trung ương và tuyến tỉnh có đủ điều kiện cho thực hành theo qui định hiện hành.
5. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ chính quy của Trường, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.
6. Tổ chức giảng dạy: các nội dung trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng được thực hiện bằng cách phối hợp các phương pháp giảng dạy tích cực như: thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, viết bài luận,... dựa trên các chủ đề được giảng viên gợi ý hoặc đề xuất từ các học viên phù hợp với lý luận và thực tiễn.
7. Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường có liên quan đến khóa học.
8. Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của Trường.
9. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại Trường. Tuy nhiên, nếu học viên có nhu cầu thì Nhà trường sẽ tổ chức giảng dạy và đánh giá học phần theo quy định tại Khoản 4, Điều 24 của Quy định này.

10. Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các bệnh viện, Sở Y tế, đơn vị chuyên môn... để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng.

11. Xây dựng đề cương chi tiết môn học phải được làm từ cấp Bộ môn (Trực thuộc khoa) sau đó đề cương được thông qua ở Hội đồng cấp Khoa, sau khi Hội đồng duyệt đề cương cấp Khoa duyệt đề cương mới được chuyển cho Phòng Đào tạo Sau đại học và Phòng Đào tạo Sau đại học tập hợp trình Hiệu trưởng để tổ chức thông qua ở cấp Trường. Sau khi Hội đồng khoa học cấp trường thông qua nội dung đề cương thì đề cương mới được triển khai thực hiện. Sau 02 năm triển khai thực hiện đề cương chi tiết học phần, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với các Khoa/Bộ môn để tiến hành khảo sát lại tính thực tiễn của đề cương chi tiết các môn học, trên cơ sở đó Phòng Đào tạo sau đại học trình Hiệu trưởng về việc chỉnh sửa/bổ sung đề cương chi tiết các môn học cho phù hợp với thực tiễn.

#### **Điều 24. Thi, kiểm tra, đánh giá**

##### **1. Hình thức đánh giá.**

- a) Tham gia đầy đủ các buổi giảng, các buổi thực tập đối với học phần có thực hành/thực tập; có đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên theo quy định.
- b) Đề thi theo hình thức trắc nghiệm/tự luận theo câu hỏi cổ điển cải tiến/vấn đáp theo đề cương chi tiết của từng bộ môn/khoa đã đăng ký. Đề thi được Bộ môn/Khoa ra 03 bộ đề và được Trung Tâm khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục bốc thăm khách quan hoặc Bộ môn/Khoa chuẩn bị ngân hàng câu hỏi và TTKT&ĐBCL bốc ngẫu nhiên đề và có sự phản biện đề của cán bộ chuyên môn. Đề thi phải đảm bảo phân loại được học viên theo các cấp độ: Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình.
- c) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết; Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;
- d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần; Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần; Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần

tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 27 Quy định này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

4. Đối với học phần ngoại ngữ: Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này, Hiệu trưởng tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại Trường).

5. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ theo Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này trong các trường hợp sau: Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy định này;

6. Đánh giá học phần:

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần (điểm đánh giá tham gia lên lớp, nhận thức và thái độ tham gia thảo luận); điểm đánh giá phần thực hành; điểm thi/kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Đối với các học phần thực hành: Học viên phải tham dự đầy đủ giờ thực hành và các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

7. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

i. Loại đạt:

A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

ii. Loại không đạt:

F (dưới 4,0)	Yếu
--------------	-----

iii. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

iv. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu **R** viết kèm với kết quả.

a) Việc xếp loại các mức điểm **A, B, C, D, F** được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

Đối với những học phần mà học viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm **0**;

Chuyển đổi từ mức điểm **I** qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó học viên được giảng viên cho phép nợ;

Chuyển đổi từ các trường hợp **X** được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo Sau đại học chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của học viên từ bộ môn chuyển lên.

b) Việc xếp loại ở mức điểm **F** ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp học viên vi phạm quy chế thi, có quyết định phải nhận mức điểm **F**.

c) Việc xếp loại ở mức điểm **I** được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

i. Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, học viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng phòng Đào tạo Sau đại học cho phép;

ii. Học viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng bộ môn chấp thuận.

Trừ trường hợp a, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, học viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Nếu không hoàn thành học viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

d) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Đào tạo Sau đại học chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của học viên từ Khoa/Bộ môn chuyển lên.

e) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

- i. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp học viên học vượt.
- ii. Những học phần được công nhận kết quả, khi học viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

#### 8. Tổ chức thi kết thúc học phần

- a. Cuối mỗi học phần học viên phải tham dự thi kết thúc học phần.
- b. Thời gian ôn thi dành cho mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và được tính ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.
- c. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

Các học viên vi phạm một trong các quy định sau đều không được dự thi kết thúc học phần và phải nhận điểm 0 trong kỳ thi chính:

- Trước ngày thi không nộp đủ học phí của kỳ học;
- Vắng mặt không có lý do các bài kiểm tra, không hoàn thành các bài tập, thực tập, xêmina hoặc tiểu luận;
- Vắng mặt dự thi không có lý do.

d. Sau buổi học cuối cùng, phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với phòng Tài chính Kế toán và các Khoa/Bộ môn tổ chức xét điều kiện dự thi của học viên; lập danh sách học viên không đủ điều kiện dự thi và thông báo cho học viên. Học viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhận điểm F là điểm tổng kết học phần với ghi chú rõ trong bảng ghi điểm. Học viên đạt điểm F cho điểm học phần, học viên phải thi lại trong kỳ thi phụ. Nếu kết quả thi lại vẫn không đạt, học viên phải đăng ký học lại học phần đó.

e. Thi kết thúc học phần được tổ chức theo từng lớp học hoặc chia nhỏ hơn nếu cần thiết. Lịch thi được bố trí sao cho các học viên đăng ký học tập theo đúng quy định sẽ không bị trùng buổi thi. Phòng Đào tạo Sau đại học lập danh sách phòng thi (có thể bao gồm cả những học viên đăng ký thi trả nợ để hoàn tất học phần).

f. Học viên có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, trùng lịch thi hoặc lý do đặc biệt), muốn hoãn thi kết thúc học phần phải làm đơn nộp cho phòng Đào tạo Sau đại học kèm theo các giấy tờ cần thiết. Học viên hoãn thi có phép được nhận điểm I và trong vòng hai học kỳ chính tiếp theo phải đăng ký và dự thi trả nợ học phần được hoãn thi.

g. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa/Bộ môn phối hợp tổ chức thi. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng rọc và quản lý phách. Thời gian chấm bài thi kết thúc học phần là 7 ngày sau khi nhận bài. Việc chấm thi kết thúc các học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Các Khoa/Bộ môn phụ trách học phần chịu trách nhiệm bảo quản các bài thi, giám sát quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết ít nhất là 2 năm từ ngày chấm.

h. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp phải công bố ngay sau mỗi buổi thi khi hai giảng viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình Trưởng Bộ môn quyết định.

i. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi. Bảng điểm thi kết thúc học phần có chữ ký của Trưởng Bộ môn; Trưởng Khoa và giáo vụ Khoa/Bộ môn; Giám đốc TTKT&ĐBCL và phải được gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học chậm nhất là 7 ngày sau khi khớp phách.

9. Điểm trung bình tích lũy và điểm trung bình toàn khóa:

Để tính điểm trung bình tích lũy, điểm học phần phải được quy đổi từ điểm chữ sang thang điểm 4.

a. Điểm trung bình tích lũy được tính dựa trên điểm tổng kết học phần của lần học cuối cùng của tất cả các học phần đã học (tức điểm chính thức của các học phần, kể cả đạt và không đạt) nằm trong chương trình đào tạo từ đầu khóa học cho đến thời điểm tính điểm trung bình tích lũy.

b. Điểm trung bình tích lũy (TBTL) được tính theo công thức (làm tròn đến hai chữ số thập phân):

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học hoặc điểm trung bình chung tích lũy



$a_i$  là điểm học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$N$  là số học phần tính điểm trung bình

c. Điểm trung bình toàn khóa được tính sau khi có điểm trung bình chung tích lũy của khóa học và có điểm bảo vệ luận văn. (theo công thức như trên).

d. Cách quy đổi điểm từ điểm chữ sang điểm số

Điểm chữ	Điểm số
A	4
B	3
C	2
D	1
F	0

10. Xếp hạng tốt nghiệp cho học viên:

Loại	Điểm trung bình học kỳ
Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59
Khá	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình	Từ 2,00 đến 2,49
Không được xét tốt nghiệp	Từ dưới 2,00

11. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần:

11.1. Một học phần được phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả điểm khi học viên đã có điểm tích lũy học phần tương đương. Số tín chỉ tích lũy của một học phần bảo lưu được tính theo số tín chỉ của học phần nằm trong chương trình đào tạo hiện thời.

11.2. Việc xem xét miễn học, bảo lưu kết quả đối với học viên thuộc diện chuyển trường do Hiệu trưởng quyết định. Tổng số tín chỉ được xét bảo lưu không quá 50% khối lượng kiến thức toàn khóa học.

11.3. Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các học phần: Không quá 2 năm tính đến ngày xét đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và không quá 1 năm cho các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

12. Khiếu nại và sửa điểm

12.1. Đối với các điểm thành phần, điểm thi kết thúc học phần, học viên có thể khiếu nại trực tiếp với Bộ môn khi công bố điểm.

12.2. Khi có đơn yêu cầu sửa điểm từ khiếu nại của học viên, Bộ môn thông báo danh sách yêu cầu sửa điểm (theo mẫu) tới phòng Đào tạo Sau đại học điều chỉnh nhằm đảm bảo quyền lợi cho học viên.

12.3. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa điểm đã công bố và điểm truy nhập từ hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (thể hiện trên trang Cổng thông tin học viên), học viên có trách nhiệm làm đơn thông báo và yêu cầu phòng Đào tạo Sau đại học kiểm tra lại.

### **Điều 25. Công nhận kết quả học tập từ các chương trình tương đương**

1. Điều kiện xét công nhận kết quả học tập: Thi đỗ đầu vào trong kỳ thi tuyển sinh Cao học của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Có bằng tốt nghiệp Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II)

Có các học phần tương tự về số tín chỉ và nội dung trong hai chương trình đào tạo. Các học phần còn lại học viên phải hoàn thành đầy đủ trước khi đăng ký luận văn tốt nghiệp theo Quy định.

2. Việc công nhận kết quả học tập đối với đối tượng học chương trình tương đương do Hiệu trưởng quyết định. Tổng số tín chỉ được xét công nhận kết quả không quá 50% khối lượng kiến thức toàn khóa học.
3. Điểm học phần được công nhận được tính vào điểm trung bình trung khóa học theo số tín chỉ và số điểm đã đạt ở trình độ tương đương.
4. Thời gian bảo lưu kết quả học tập của các học phần: Không quá 10 năm đối với các học phần cơ sở và không quá 5 năm đối với học phần chuyên ngành tính đến ngày được xét bảo lưu.

### **Điều 26. Luận văn**

1. Đề tài luận văn:

a) Đề tài luận văn do trưởng các Khoa/Bộ môn/Trung tâm công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và được các Trưởng Khoa/Bộ môn/Trung tâm môn đồng ý;

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của trưởng các Khoa/Bộ môn/Trung tâm và trưởng phòng Đào tạo Sau đại học;

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và Trưởng Khoa/Bộ môn/Trung tâm. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề về khoa học Điều dưỡng;

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

3. Cách thức trình bày luận văn được Hiệu trưởng quy định cụ thể trong Quy định và hướng dẫn trình bày luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Điều dưỡng.

### **Điều 27. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn**

1. Hướng dẫn luận văn:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị Tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II);

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 quy chế này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

## **Điều 28. Hội đồng đánh giá luận văn**

1. Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ra quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn, trên cơ sở đề nghị của Trưởng các Khoa/Bộ môn/Trung tâm và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, thư ký, 02 (hai) phản biện và uỷ viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị Tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

## **Điều 29. Đánh giá luận văn**

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học

viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do Hiệu trưởng quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do Hiệu trưởng quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện (*Có quy định và hướng dẫn kèm theo*).

### **Điều 30. Thẩm định luận văn**

#### **1. Thành lập hội đồng thẩm định:**

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 28 Quy định này; trong đó, nếu có thành viên thuộc Trường thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

#### **2. Thẩm định luận văn:**

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình

thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Hiệu trưởng thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu:

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng Thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Khoản 2, Điều 27 ; Điều 28 và các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy chế này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

### **Điều 31. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Nghỉ học tạm thời:

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Trường chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại cơ sở đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

c) Học viên có nhu cầu xin nghỉ học tạm thời phải viết đơn gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học sau đó Trưởng phòng Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét giải quyết đơn theo các quy định hợp pháp. Sau thời gian nghỉ của học viên đã được Hiệu trưởng phê duyệt, học viên muốn quay trở lại tiếp tục học, học viên phải có đơn xin tiếp tục học và gửi về phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng có trách nhiệm trình Hiệu trưởng phê duyệt để cho học viên tiếp tục được theo học.

## 2. Chuyển trường:

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển trường nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển trường: Trường chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển trường của học viên phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng nơi chuyển đi và nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển trường khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Hiệu trưởng quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến; thủ tục xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình của hai Trường.

## **Điều 32. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng Thạc sĩ, giấy chứng nhận**

### 1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế này;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 31 Quy định này;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website: <http://ndun.edu.vn> của Trường quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định này;

đ) Đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà trường, hoàn thành các thủ tục và có xác nhận của thư viện (đã trả đủ sách, nộp 01 bản luận văn bìa cứng và 01 bản mềm có dữ liệu của luận văn như bản in đã chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng chấm luận văn) và các đơn vị khác có liên quan.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng phòng Đào tạo Sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền làm chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo Sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là Trưởng các Khoa/Bộ môn có học viên tốt nghiệp, Trưởng phòng Thanh tra và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

### **Điều 33. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

1. Chế độ báo cáo:

a) Tháng 12 hàng năm, Hiệu trưởng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ Thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ của Trường và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau;

b) Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

2. Lưu trữ:



- a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;
- b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;
- c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;
- d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ Thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;
- đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Chương V**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN**

#### **Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**

1. Ban hành quy định, quy trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng. Giám sát quá trình thực hiện quy định đào tạo Thạc sĩ của các Khoa/Bộ môn/Trung tâm và các đơn vị có liên quan trong toàn Trường.
2. Xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm theo nhiệm vụ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Trường.
3. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối chương trình Thạc sĩ đã tuyển sinh; căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia để lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới khi có đủ điều kiện.
4. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
5. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.
6. Quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên, quyết định công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm; cấp bằng và quản lý việc cấp bằng Thạc sĩ theo quy định hiện hành.
7. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ Thạc sĩ theo đúng quy định.

8. Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo Thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

9. Công bố công khai trên website: <http://ndun.edu.vn/> của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn đã bảo vệ đạt yêu cầu theo từng ngành, và các đề tài luận văn đang được nghiên cứu; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.

10. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, của Quy định này để quy định chi tiết và công bố công khai các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm Quy định của công chức, viên chức, giảng viên, người lao động và người học.

11. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 34 Quy định này.

12. Bồi hoàn học phí cho người học nếu cơ sở đào tạo vi phạm Quy định này, vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng.

13. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Giảng viên đào tạo trình độ Thạc sĩ**

1. Giảng viên đào tạo trình độ Thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn Thạc sĩ.

2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.

3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo Thạc sĩ phải có học vị Tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị Thạc sĩ trở lên.

4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, bác sỹ, điều dưỡng,... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ Thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.

### **Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên tham gia đào tạo trình độ Thạc sĩ**

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của cơ sở đào tạo và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ Thạc sĩ.

2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, xuyên suốt trong học tập và thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ Thạc sĩ theo quy định của nhà nước và của Nhà trường.

5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ Thạc sĩ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có các nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo không đủ số lượng tối thiểu trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 27 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn mà học viên không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Trường cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế này.

### **Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của học viên**

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ Thạc sĩ của Nhà nước và của Trường.

2. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường.

4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.
5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường cho việc học tập, nghiên cứu.
6. Được đề nghị Trường thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.
7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo Thạc sĩ.
8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường.
9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Trường dẫn đến việc không được cấp bằng Thạc sĩ.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 38. Thanh tra, kiểm tra**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có trách nhiệm tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo trình độ Thạc sĩ.
2. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

#### **Điều 39. Khiếu nại, tố cáo**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của Trường, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.
2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của luật khiếu nại, tố cáo.
3. Học viên khiếu nại về điểm thi cần làm đơn và gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm KT&ĐBCL, Khoa/Bộ môn có khiếu nại để các đơn vị phối hợp xem xét giải quyết.

## **Điều 40. Xử lý vi phạm**

### **1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh:**

Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

### **2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo:**

a) Học viên nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy định này, Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

Đối với các trường hợp: học hộ, nhờ người khác học hộ chịu hình thức xử lý cảnh cáo nếu vi phạm lần đầu, nếu tiếp tục tái diễn sẽ có giấy gửi về cơ quan công tác; trường hợp thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì Hiệu trưởng thu hồi, huỷ bỏ bằng Thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm;

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại Trường nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, Hiệu trưởng và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú.

## **Chương VII**

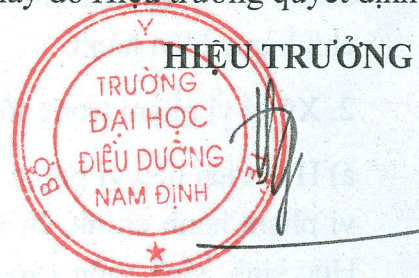
### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 41. Áp dụng Quy định**

Quy định này được áp dụng từ ngày ký đối với các khóa tuyển sinh Thạc sĩ Điều dưỡng từ tháng 11 năm 2014.

## Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào các điều của Quy định này, Trưởng các Khoa/Bộ môn/Trung tâm và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm đề nghị, chuẩn bị các điều kiện cần thiết (cơ sở vật chất, nhân lực, giáo trình...) để triển khai thực hiện đào tạo chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng.
2. Việc điều chỉnh, bổ sung trong Quy định này do Hiệu trưởng quyết định./.



*Lê Thanh Hùng*

**Phụ lục I**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM ...**

(Kèm theo Quyết định số: 1054/QĐ-ĐDN ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐH ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**  
Số: /BC-ĐDN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**Tình hình đào tạo trình độ thạc sĩ năm ... (năm hiện tại)**

1. **Số giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, GS, PGS**  
(tổng số và theo từng ngành, chuyên ngành)

2. **Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm ... (năm hiện tại)**

Ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu Thông báo	Đăng ký dự thi	Trúng tuyển	Nhập học			Ghi chú
				Tập trung toàn bộ TG	Tập trung theo đợt	Tổng số	
...							
...							
<b>Tổng số</b>							

3. **Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp**

Khóa học	Số, ngày Quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

4. **Đăng ký tuyển sinh năm ... (năm sau)**

- Số lần tuyển sinh:
- Thời điểm tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh:

**HIỆU TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

## Phụ lục II

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giáo dục và Đào tạo)

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.